TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-PT
Ngày 15 - 9 - 2017
V/v chia tài sản chung sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm;

Các Thẩm phán: Ông Chu Thế Vương;

Ông Lê Xuân Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Ông Nguyễn Tuấn Anh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2017/DSPT ngày 01 tháng 8 năm 2017 về việc "Chia tài sản chung sau khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2017/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Hoàng Thành T; Địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- *Bị đơn*: Chị Hoàng Thị T;

Địa chỉ: Đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị C.

2. Ông Hoàng Văn H.

Cùng địa chỉ: Đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Cùng có mặt.

3. Ông Hoàng Văn L.

Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

4. Anh Vi Mạnh T.

Địa chỉ: Đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Chị Hoàng Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 15/2017/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn anh Hoàng Thành T trình bày: Năm 1992 anh Hoàng Thành T kết hôn với chị Hoàng Thị T, đến năm 2014 ly hôn. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án chia tài sản. Nay vợ chồng anh không thỏa thuận được nên khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung.

Tài sản chung của vợ chồng gồm có 1 ngôi nhà cấp bốn tại địa chỉ đường T, phường H, thành phố L có diện tích là 139m^2 anh Hoàng Thành T khai mua của chị Dương Thị C số tiền là 87.000.000,đồng (tám mươi bảy triệu đồng) đã trả được 60.000.000,đồng (sáu mươi triệu) còn nợ lại 27.000.000,đồng (hai mươi bảy triệu đồng). Khi mua có giấy tờ mua bán, hiện nay do cháu Hoàng Thị H (con đẻ của chị C đã mất), trú tại phường H, thành phố L giữ giấy tờ. Nguồn gốc đất và nhà là của ông Hoàng Tích S (bố chồng của chị C) chia tài sản cho con trai, con dâu. Vì là anh em ruột trong gia đình nên toàn bộ giấy tờ chuyển nhượng đất và nhà ở, giấy biên nhận tiền ngày 24/4/1999 giữa vợ chồng anh T và chị C là giấy viết tay, viết làm hai bản mỗi bên giữ một bản. Có hai người làm chứng là ông D, trú tại đường T, phường H, thành phố L và chị Hoàng Thị B trú tại đường L, phường Tam Thanh, thành phố L. Sau khi mua, anh T đã phá nhà cũ và xây lại một ngôi nhà cấp bốn trên nền đất cũ. Việc xây nhà do một mình anh T lo vì khi đó chị T đang học kế toán tại Hưng Yên. Khi làm thủ tục kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do điều kiện kinh khó khăn và để giảm thiểu các thủ tục giấy tờ, vợ chồng tôi đã bàn bạc thống nhất để cho ông Hoàng Tích S viết giấy tặng cho nhà, đất nêu trên cho con gái là chị T và con rể là anh T vào ngày 21/8/2000. Năm 2006 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Hoàng Thị T, do hoàn cảnh khó khăn nên cùng vào năm 2006 vợ chồng đã bán cho anh Dương Hồng S 61,7 m^2, hiện tại đất còn 78,3m^2.

Nay anh Hoàng Thành T đồng ý để chị T là người quản lý, sử dụng nhà, đất và yêu cầu chị T thanh toán phần giá trị tài sản chênh lệch theo giá của Hội đồng định giá tài sản đã định giá ngày 10/3/2016.

Bị đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Nhà và đất tại 36A phường H, thành phố L có nguồn gốc là do tôi được thừa kế từ bố tôi năm 2005, đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC453621 với diện tích 148,4m^2 và nhà cấp 4 diện tích 80m^2 tại thửa dất số 145, tờ bản đồ số 20, phường H, thành phố L vào ngày 06/3/2006. Căn nhà cấp 4 cũng là do bố đẻ tôi ông Hoàng Tích S xây năm 1999, đến đầu năm 2000 vợ chồng tôi về ở tại số nhà trên, đến năm 2005 bố tôi làm giấy thừa kế cho tôi và tôi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình ở đó không xây dựng, sửa chữa gì mà đến tháng 8/2013 con rể tôi là Vi Mạnh T, có làm lại trần thạch cao và đến tháng 5/2014 tôi có lắp thêm bình nóng lạnh và thay bệ vệ sinh bệt. Nay anh T có yêu cầu chia tài sản, tôi không đồng ý vì đây là tài sản riêng của tôi được bố đẻ thừa kế cho.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị C trình bày: Năm 1999 tôi cho hai vợ chồng cháu T ra ở riêng và cho vay 45.000.000,đồng để mua lại ngôi nhà và đất của chị Dương Thị C (chị C là chị dâu của hai cháu). Chị C có viết tay giấy chuyển nhượng nhà và đất có anh V và chị B chứng kiến, đến năm 2000 khi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Hoàng Tích S đã viết giấy cho nhà, đất cho con gái là Hoàng Thị T và con dể là Hoàng Thành T. Mục đích là để không phải chịu thuế. Đến khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ quan chức năng lại cấp cho Hoàng Thị T. Thực chất khối tài sản trên là do tôi đưa tiền cho mua, khi vay tôi có nói, bao giờ làm ăn được hoàn trả cho tôi. Nay hai cháu đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn thì hai cháu phải có trách nhiệm hoàn trả cho tôi số tiền đã vay. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 08/12/2014 bà Đặng Thị C có đơn rút yêu cầu đòi tiền.

Theo lời khai của chị Hoàng Thị H: Ông nội tôi Hoàng Tích S có mảnh đất đường T, phường H, thành phố L, đã chia cho hai con trai là Hoàng Hùng V và Hoàng Hải N. Năm 1998 sau khi bố tôi qua đời chú V đã bán mảnh đất được chia cho bà Hoàng Thị P. Còn mẹ tôi là bà Dương Thị C, được thừa kế mảnh đất còn lại đã bán cho chú Hoàng Thành T và cô Hoàng Thị T. Người trả tiền cho mẹ tôi là chú T. Giấy chuyển nhượng do mẹ tôi làm và có hai người làm chứng là cô Hoàng Thị B và ông D. Lúc mua chú T mới trả trước được 60.000.000,đồng còn nợ lại 27.000.000 đồng. Từ năm 1999 đến nay chú T vẫn chưa trả. Nay chú T và cô T có yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn, tài sản là nhà, đất đường T, phường H, thành phố L. Tôi yêu cầu chú T phải có trách nhiệm hoàn trả nốt số tiền đó cho tôi. Đến ngày 12/01/2015 chị Hoàng Thị H có đơn rút yêu cầu đòi khoản tiền này để tự thỏa thuận với anh T.

Theo lời khai của anh Vi Mạnh T trình bày: Vào tháng 7 năm 2013 tôi có sửa chữa, lắp mới trần thạch cao của gian phòng khách bên ngoài nhà bố mẹ vợ tại địa chỉ đường T, phường H, thành phố L để vợ chồng tôi kinh doanh, chi phí hết số tiền hơn 3.000.000 đồng. Vợ chồng tôi không kinh doanh tại đó nữa, số tiền tôi đã

bỏ ra làm trần thạch cao, tôi không có ý kiến gì, tôi để lại cho bố mẹ vợ sử dụng và định đoạt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Áp dụng Điều 33; Điều 59; khoản 1 Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305 Bộ luật dân sự; khoản 8, 9 điều 27 của Pháp lệnh số: 10/2009/PL- UBTVQH12 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí toà án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của anh Hoàng Thành T đưa ra đối với chị Hoàng Thị T.

- Xác định nhà cấp 4 trên diện tích đất 78,3 m^2 tại địa chỉ đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thuộc thửa đất số 145, tờ bản đồ số 20, phường H đang đứng tên chị Hoàng Thị T tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 06/3/2006 là tài sản chung của chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Thành T có tổng giá trị là 1.454.150.000,đồng (một tỷ bốn trăm năm mươi tư nghìn một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chị Hoàng Thị T được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ nhà, đất trên diện tích 78,3 m^2 tại địa chỉ đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho anh Hoàng Thành T đối với phần anh T được hưởng có giá trị là 727.075.000,đồng (bảy trăm hai mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị T cho rằng tài sản nhà, đất tại địa chỉ đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là tài sản riêng được thừa kế vì không có căn cứ.

3. Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Hoàng Thị T đối với diện tích đất tranh chấp tại Thôn P, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vì không có căn cứ xác định là tài sản chung của chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Thành T.

4. Về án phí và chi phí định giá tài sản:

a) Về chi phí định giá tài sản:

- Ghi nhận anh Hoàng Thành T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền thẩm định, định giá tài sản tranh chấp lần một và lần hai tại phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn với số tiền là 5.400.000,đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền này đã được

chi vào số tiền anh T nộp tạm ứng, số tiền tạm ứng còn thừa sau khi chi đã hoàn trả cho anh T.

- Ghi nhận chị Hoàng Thị T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền thẩm định, định giá tài sản tranh chấp tại khu vực xã G, huyện C, tỉnh L với số tiền là 5.600.000,đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng). Số tiền này đã được chi vào số tiền chị T nộp tạm ứng, số tiền tạm ứng còn thừa 4.400.000,đồng sau khi chi đã hoàn trả cho chị T.

b) Về án phí:

- Anh Hoàng Thành T và chị T phải chịu án phí có giá ngạch mỗi người 33.083.000,đồng (ba mươi ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng) đối với phần tài sản được chia tại phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- Chị Hoàng Thị T phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu chia tài sản tại thôn P, xã G, huyện C do yêu cầu không được chấp nhận là: 10.250.000,đồng (mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền án phí chị T phải chịu là: 33.083.000,đồng + 10.250.000, đồng = 43.333.000,đồng (bốn mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Số tiền án phí anh Hoàng Thành T phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 10.800.000,đồng (mười triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2011/02121 ngày 12/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, anh T còn phải nộp tiếp số tiền là 22.283.000,đồng (hai mươi hai triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn luật định, ngày 15/7/2017, chị Hoàng Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

- Xác định nhà cấp 4 trên diện tích đất 78,3m2 tại địa chỉ đường T, phường H, thành phố L là tài sản riêng của chị Hoàng Thị T và chị được toàn quyền quản lý, sử dụng tài sản là nhà và đất này.

- Xác định các thửa đất gồm: Thửa số 338, 354, 356, 369, 357, 11, 12, 389, 93, 94 thuộc tờ bản đồ số 42 tại Thôn P, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là tài sản chung của vợ chồng và chị Hoàng Thị T yêu cầu chia một nửa giá trị tài sản chung này.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn chị Hoàng Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng; trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo của chị Hoàng Thị T, thấy: Đối với yêu cầu của chị Hoàng Thị T cho rằng Nhà tại phường H, thành phố L là tài sản riêng của chị T là không có căn cứ đó là tài sản chung của vợ chồng. Đối với các thửa đất số 338, 354, 356, 369, 357, 11, 12, 389, 93, 94 thuộc tờ bản đồ số 42 tại Thôn P, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn chị T cho rằng là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu chia một nửa giá trị tài sản là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị T, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của chị Hoàng Thị T thấy rằng: Nguồn gốc nhà, đất đang tranh chấp là của ông Hoàng Tích S đứng tên trong sổ đăng ký ruộng đất năm 1988, thuộc thửa đất số 383, diện tích 282m^2, tờ bản đồ số 01, phường H, thành phố L, đã được ông Hoàng Tích S chia cho hai người con trai là anh Hoàng Hải N (vợ là Dương Thị C và con gái Hoàng Thị H) và anh Hoàng Hùng V. Sau khi được chia nhà và đất, năm 1990 vợ chồng anh H có mua thêm một phần diên tích đất phía sau của bà Nguyễn Thị A (chồng là Triệu Quang D). Năm 1999 chị Dương Thị C đã bán mảnh đất được chia cộng với phần đất mua của bà Nguyễn Thị A cho anh Hoàng Thành T, tổng diện tích 139m^2, số tiền bán là 87.000.000,đồng, hai bên có thỏa thuận cho anh T nợ lại 27.000.000,đồng và có viết giấy chuyển nhượng cho nhau vào ngày 24/4/1999.

[2] Xét quá trình quản lý sử dụng: Sau khi mua nhà, đất anh Hoàng Thành T phá dỡ nhà cũ, hạ nền xây mới một ngôi nhà cấp 4 năm 1999, năm 2000 thì gia đình anh đến đó ở. Việc xây dựng ngôi nhà do anh T bỏ tiền ra xây dựng, có xác nhận của khối trưởng cũ là ông Phan Duy T và anh Nông Văn D là người đã trực tiếp lắp điện thắp sáng cho vợ chồng anh Hoàng Thành T. Quá trình quản lý, sử dụng từ năm 1999 cho đến nay, anh Hoàng Thành T và chị Hoàng Thị T vẫn cùng nhau quản lý, sử dụng liên tục. Năm 2006 anh T, chị T đã chuyển nhượng một phần đất thửa đất phía sau cho ông Dương Hồng S, diện tích 61,7m^2 (giấy mua bán do chị T và anh T cùng ký). Phần diện tích nhà và đất còn lại 78,3m^2 vẫn do anh chị quản lý sử dụng. Tuy nhiên chị Hoàng Thị T cho rằng đây là tài sản riêng và yêu cầu được toàn quyền quản lý là không có căn cứ. Vì sau khi mua lại nhà đất của chị C, mặc dù đã chia cho các con nhưng giấy tờ nhà đất vẫn do ông Hoàng Tích S đứng tên. Năm 2000 do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên khi làm thủ tục kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng bàn bạc thống nhất để ông Hoàng Tích S viết giấy cho nhà, đất cho con gái là Hoàng Thị T và con rể là Hoàng Thành T vào ngày 21/8/2000 nội dung:*"Nay tôi viết giấy này cho con gái là: Hoàng Thị T + con rể là: Hoàng Thành T được chia một ngôi nhà + đất với tổng diện tích là 128m^2 để không phải nộp thuế*". Đến năm 2005 ông S lại viết giấy chuyển quyền sử dụng đất cho chị T với nội dung: *"Năm 2000 tôi có viết đơn chuyển quyền sử dụng miếng đất*

ở cho con gái là Hoàng Thị T và con rể. Nay tôi viết đơn này xin chuyển thẳng tên cho con gái là Hoàng Thị T (tức là chia cho con gái) để tiện cho việc cấp sổ". Do đó chị T làm thủ tục đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định. Tuy nhiên xét quá trình quản lý sử dụng nhà và đất vẫn do vợ chồng anh Hoàng Thành T và chị Hoàng Thị T quản lý. Anh Hoàng Thành T yêu cầu được chia tài sản chung là có căn cứ cần được chấp nhận. Cấp sơ thẩm xử giao cho chị Hoàng Thị T được quyền quản lý sử dụng toàn bộ nhà và đất ở đường T, phường H, thành phố L và phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hoàng Thành T ½ giá trị là: 727.075.000 đồng (bảy trăm hai mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) là đúng.

[3] Đối với các thửa đất tranh chấp ở Thôn P, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn mà chị Hoàng Thị T cho rằng đó là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu được chia, gồm: Thửa số 338, 354, 356, 369, 357, 11, 12, 389, 93, 94 thuộc tờ bản đồ số 42 tại Thôn P, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tại phiên tòa chị T khai do anh Hoàng Thành T bảo được bố mẹ chồng chia cho nhưng không chứng minh được và không cung cấp được các tài liêu, chứng cứ giấy tờ cho tặng tài sản. Mặt khác tại phiên tòa ông Hoàng Văn H và bà Đặng Thị C là bố mẹ chồng của chị T khẳng định các thửa đất trên vẫn do gia đình quản lý chưa chia cho ai. Lý do anh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do năm 2008 ông đến UBND xã G, huyện C để kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do lúc đó ông Hòa còn đang công tác nên Ủy ban nhân dân xã gia Cát yêu cầu phải đứng tên người khác nên ông đã bảo anh Hoàng Thành T đứng tên kê khai làm thủ tục cấp giấy, khi đó ông Lộc Văn L là cán bộ địa chính xã (nay là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã G) trực tiếp hướng dẫn anh T kê khai xác nhận đúng sự việc như vậy. Do vậy chi Thịnh cho rằng đó là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu được chia là không có căn cứ. Cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu đòi chia các thửa đất trên là đúng.

[4] Do kháng cáo của chị Hoàng Thị T không được Tòa án chấp nhận nên chị T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm như về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/HNGĐ-ST ngày 04/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Áp dụng Điều 33; Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 305 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xác định nhà đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là nhà cấp 4 có diện tích đất 78,3m^2 thuộc thửa đất số 145, tờ bản đồ số 20, phường H đứng tên chị Hoàng Thị T trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 06/3/2006 là tài sản chung của chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Thành T. Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là: 1.454.150.000,đồng (một tỷ bốn trăm năm mươi tư triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Chị Hoàng Thị T được quyền quản lý, sử dụng nhà đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và có nghĩa vụ phải thanh toán cho anh Hoàng Thành T ½ giá trị tài sản được hưởng là: 727.075.000,đồng (bảy trăm hai mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Hoàng Thị T đối các thửa đất sô 338, 354, 356, 369, 357, 11, 12, 389, 93, 94 thuộc tờ bản đồ số 42 tại Thôn P, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vì không có căn cứ.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000,đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/03171 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn. Chị Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm như về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Các đương sự;
- Lưu HS; Tòa DS; HCTP; KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Châm